

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2021/HN-ST**

Ngày: 20/5/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Bảnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2020/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST - HN ngày 13/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã KBTB, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (Có đơn xin vắng mặt)

\* *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ấp NT, xã ĐHA, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2017 và có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, được UBND xã KBTB cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/5/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại ấp NT, xã Đông Hưng A được một khoảng thời gian thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa do giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, anh Đ không quan tâm và không chia sẻ cùng chị. Khi chị bị hư thai, anh Đ không chăm sóc mà còn kiếm chuyện để đánh đập chị.

Do không chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống từ tháng 3/2018 cho đến nay. Từ khi ly thân, anh Đ không quan tâm và cũng không có ý định hàn gắn lại.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác nhận, trong quá trình chung sống giữa chị và anh Đ không có phát sinh.

Nay, do xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn Đ; con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Văn Đ không có lời trình bày.*

*\* Tại phiên tòa:*

- *Chị H và anh Đ:* Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn Đ là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị H khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Đ đang sinh sống tại ấp NT, xã ĐHA, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh Đ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh Đ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và chị H có đơn xin xét xử

vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KBTB, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/5/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị H về việc ly hôn với anh Đ, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H cho rằng giữa chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn do trong thời gian chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm nên anh chị đã thật sự ly thân từ tháng 3/2018 đến nay không thể hàn gắn được. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy giữa chị H và anh Đ đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay là đúng. Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đ nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Đ luôn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị H.

HĐXX xét thấy, từ tháng 3/2018 đến nay là khoảng thời gian dài anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị H được ly hôn với anh Đ.

[3] *Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị H xác định giữa chị và anh Đ không có phát sinh nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trịnh Văn Đ.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Trần Thị H chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006020 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên chị H không phải nộp thêm.

3. *Quyền kháng cáo*: Chị H và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã KBTB  
(Trần Văn Thời, Cà Mau);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**